

# Bài toán về tự chủ nguồn nguyên liệu

ThS. Vương Minh Hoài - ThS. Đặng Thị Hương  
Đại học Công nghiệp Hà Nội

## Thực trạng ngành công nghiệp hỗ trợ

Thời gian qua, CNHT đã được Đảng và Nhà nước đặc biệt quan tâm và định hướng là một trong những ngành ưu tiên phát triển và được ưu đãi đầu tư. Với sự ra đời của Nghị định số 111/2015/NĐ-CP ngày 03/11/2015 của Chính phủ về phát triển CNHT và các văn bản chính sách liên quan, hệ thống pháp luật, chính sách về CNHT ngày càng được hoàn thiện, Ngành CNHT của Việt Nam ngày càng phát triển và có vai trò quan trọng trong việc tham gia vào chuỗi cung ứng cũng như chuỗi giá trị toàn cầu. Một số doanh nghiệp sản xuất linh kiện của Việt Nam có năng lực tốt ở các lĩnh vực như: Sản xuất khuôn mẫu các loại; Linh kiện xe đạp, xe máy; Linh kiện cơ khí tiêu chuẩn; Dây cáp điện; Linh kiện nhựa - cao su kỹ thuật; Săm lốp các loại... Các sản phẩm này đã đáp ứng được nhu cầu trong nước và xuất khẩu tới các quốc gia trên thế giới. Năng lực sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ trong nước theo đó được nâng lên, tỷ lệ nội địa hóa của một số ngành công nghiệp Việt Nam được cải thiện. Thành công rõ nét của ngành CNHT Việt Nam có thể nhận thấy qua số lượng nhà cung ứng cấp 1 của Samsung tăng từ 35 doanh nghiệp năm 2018 lên 42 doanh nghiệp. Số lượng nhà cung ứng cấp 2 cũng tăng từ 157 doanh nghiệp năm 2018

**Phát triển công nghiệp hỗ trợ (CNHT) được xem là một trong những chính sách ưu tiên hàng đầu của Việt Nam nhằm thúc đẩy sự phát triển của ngành công nghiệp và góp phần đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa - hiện đại hóa đất nước. Tuy nhiên, ngành công nghiệp Việt Nam đang phát triển theo bề rộng, chủ yếu là gia công, một số ngành trọng điểm có tỷ lệ cung ứng nguyên phụ liệu trong nước khá hạn chế... Việc phụ thuộc nguồn nguyên liệu đầu vào dẫn đến việc giá trị gia tăng của sản phẩm công nghiệp Việt Nam còn thấp, năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp trong các ngành này chưa cao. Do đó, vấn đề đặt ra cho phát triển ngành CNHT hiện nay là đi tìm lời giải cho bài toán về tự chủ nguồn nguyên liệu.**

lên 170 doanh nghiệp, theo số liệu Bộ Công thương năm 2021.

Bên cạnh việc nâng cao năng lực và gia tăng các nhà cung ứng trong nước, các công ty, tập đoàn lớn của nước ngoài cũng đã thiết lập nhiều nhà máy chế tạo và lắp ráp tại Việt Nam với chiến lược phát triển lâu dài và định hướng để Việt Nam trở thành cứ điểm sản xuất toàn cầu. Đơn cử, năm 2020

trong bối cảnh dịch Covid-19 diễn biến phức tạp, Samsung một lần nữa khẳng định chiến lược phát triển lâu dài khi đầu tư xây dựng trung tâm nghiên cứu và phát triển có quy mô lớn nhất khu vực Đông Nam Á. Ngoài Samsung, Toyota Việt Nam đến năm 2020 cũng đã có tổng cộng 33 nhà cung cấp, trong đó đã có 5 nhà cung cấp Việt Nam (chiếm 15,15%).

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, ngành CNHT Việt Nam vẫn đứng trước những khó khăn, hạn chế khi một số ngành công nghiệp có thế mạnh của Việt Nam như: Điện tử, dệt may, da giày, lắp ráp ô tô, xe máy... phải phụ thuộc nhiều vào nguyên liệu nhập khẩu, khiến sản xuất bị động, chi phí cao.... Chính vì vậy, khi dịch bệnh Covid-19 bùng nổ tại các quốc gia cung ứng linh phụ kiện sản xuất chủ yếu cho Việt Nam như: Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản..., ngành công nghiệp trong nước đã gặp rất nhiều khó khăn trong việc bảo đảm các yếu tố đầu vào sản xuất. Phải đến khi các quốc gia này đã qua đỉnh dịch, nguồn cung ứng nguyên phụ liệu nhập khẩu cho các ngành sản xuất của Việt Nam mới được phục hồi.

### **Lời giải cho bài toán tự chủ nguồn nguyên liệu**

Để thúc đẩy ngành CNHT Việt Nam phát triển mạnh mẽ, tự chủ nguồn nguyên liệu hội nhập sâu rộng vào chuỗi giá trị toàn cầu, ngày 6/8/2020, Chính phủ đã ban hành Nghị quyết 115/NQ-CP về các giải pháp thúc đẩy phát triển CNHT, tạo tiền đề cho các bộ, ngành nghiên cứu đưa ra các chính sách cụ thể để giải quyết những vấn đề nội tại, tiếp tục thúc đẩy phát triển CNHT trong thời gian tới. Mục tiêu của Nghị quyết 115/NQ-CP đến năm 2025, doanh nghiệp Việt Nam có khả năng sản xuất các sản phẩm CNHT có tính cạnh tranh cao, đáp ứng được 45% nhu cầu thiết yếu cho sản xuất, tiêu dùng nội địa, chiếm 11% giá trị sản xuất toàn ngành công nghiệp. Có khoảng 1.000 doanh nghiệp đủ năng lực cung ứng trực tiếp cho các doanh nghiệp lắp ráp và tập đoàn đa quốc gia trên lãnh thổ Việt Nam, trong đó doanh nghiệp trong nước chiếm khoảng 30%.



Đến năm 2030, sản phẩm CNHT đáp ứng đầy đủ 70% nhu cầu cho sản xuất, tiêu dùng trong nội địa, chiếm khoảng 14% giá trị sản xuất công nghiệp. Có khoảng 2.000 doanh nghiệp đủ năng lực cung ứng trực tiếp cho các doanh nghiệp lắp ráp và tập đoàn đa quốc gia trên lãnh thổ Việt Nam.

Mục tiêu cụ thể trong phát triển linh kiện phụ tùng kim loại, linh kiện phụ tùng nhựa - cao su và linh kiện phụ tùng điện - điện tử đến hết năm 2025, cung ứng được 45% nhu cầu sản phẩm linh kiện phụ tùng cho các ngành công nghiệp trên lãnh thổ Việt Nam. Đến năm 2030, cung ứng được 65% nhu cầu trong nước, đẩy mạnh sản xuất các lĩnh vực sản phẩm phục vụ các ngành công nghiệp công nghệ cao; Phát triển nguyên vật liệu và phụ liệu phục vụ ngành dệt may - da giày đến năm 2025, tỷ lệ cung cấp trong nước của ngành công nghiệp dệt may đạt 65%, ngành da giày đạt 75 - 80% với các sản phẩm có giá trị gia tăng cao phục vụ sản xuất xuất khẩu.

Để đạt mục tiêu phát triển hướng tới tự chủ nguồn nguyên liệu, Nghị quyết số 115/NQ-CP của Chính phủ đã đưa ra 7 giải pháp cần thực hiện trong thời gian tới:

*Thứ nhất*, xây dựng, hoàn thiện và triển khai hiệu quả, đồng bộ các cơ chế, chính sách đặc thù

phát triển CNHT và các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển (được Nhà nước ưu đãi và hỗ trợ theo quy định tại Luật Đầu tư) đảm bảo điều kiện thuận lợi cho phát triển CNHT; đồng thời xây dựng và triển khai các chính sách hiệu quả cho các ngành công nghiệp vật liệu và phát triển thị trường cho các ngành công nghiệp sản xuất, lắp ráp sản phẩm hoàn chỉnh, tạo nền tảng cơ bản cho công nghiệp hóa theo hướng hiện đại và bền vững.

*Thứ hai*, bố trí, đảm bảo và huy động nguồn lực hiệu quả để triển khai thực hiện chính sách đầu tư phát triển CNHT và các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển. Nâng cao vai trò và khuyến khích các địa phương đầu tư các nguồn lực để triển khai các chính sách, chương trình và hoạt động hỗ trợ các doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển trên cơ sở căn cứ các quy định của pháp luật và bảo đảm phù hợp với điều kiện kinh tế - xã hội của địa phương.

*Thứ ba*, tiếp tục thực hiện chính sách ưu đãi về lãi suất đối với doanh nghiệp CNHT và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển khi vay vốn ngắn hạn tại tổ chức tín dụng; Nhà nước thực hiện cấp bù chênh lệch lãi suất đối với



các khoản vay trung và dài hạn của các doanh nghiệp để thực hiện dự án sản xuất sản phẩm thuộc Danh mục sản phẩm CNHT ưu tiên phát triển bằng nguồn vốn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương và các nguồn vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài.

*Thứ tư*, tạo cơ hội hình thành và phát triển chuỗi giá trị trong nước thông qua thu hút đầu tư hiệu quả và thúc đẩy kết nối kinh doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp Việt Nam với các doanh nghiệp đa quốc gia, các công ty sản xuất, lắp ráp trong nước và nước ngoài; xây dựng các khu công nghiệp hỗ trợ tập trung để tạo cụm liên kết ngành; phát triển các ngành công nghiệp vật liệu nhằm tăng cường tính tự chủ về nguyên vật liệu đầu vào cho sản xuất, giảm sự phụ thuộc vào nguồn nhập khẩu, nâng cao giá trị gia tăng nội địa, sức cạnh tranh của sản phẩm và vị trí của doanh nghiệp Việt Nam trong chuỗi giá trị toàn cầu. Đồng thời, thúc đẩy sự phát triển của các ngành sản xuất, lắp ráp sản phẩm hoàn chỉnh, hỗ trợ có trọng tâm, trọng điểm các doanh nghiệp Việt Nam trong các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo và ưu tiên phát triển trở thành các Tập đoàn có tầm cỡ khu vực, tạo hiệu ứng lan tỏa và dẫn dắt các doanh nghiệp CNHT phát triển theo tinh thần

Nghị quyết số 23-NQ/TW của Bộ Chính trị về định hướng xây dựng chính sách phát triển công nghiệp quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

*Thứ năm*, thúc đẩy phát triển thị trường nội địa và thị trường ngoài nước để tạo điều kiện phát triển CNHT và các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển. Đồng thời, tìm kiếm, mở rộng các thị trường ngoài nước trên cơ sở tận dụng các hiệp định FTA đã ký kết; triển khai các biện pháp hỗ trợ các doanh nghiệp CNHT và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển tham gia hiệu quả các hiệp định thương mại tự do; tích cực tháo gỡ các rào cản, chống các hành vi độc quyền, cạnh tranh không lành mạnh; phát triển các loại hình và phương thức kinh doanh thương mại hiện đại.

*Thứ sáu*, nâng cao năng lực doanh nghiệp CNHT với việc xây dựng và vận hành hiệu quả các Trung tâm kỹ thuật hỗ trợ phát triển công nghiệp vùng và địa phương từ vốn đầu tư trung hạn của Trung ương và địa phương trên cơ sở nhu cầu, mục tiêu phát triển và nguồn lực sẵn có nhằm hỗ trợ các doanh nghiệp CNHT và công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển đổi mới sáng tạo, nghiên cứu phát triển (R&D), chuyển giao công nghệ, nâng cao năng suất,

chất lượng sản phẩm và năng lực cạnh tranh, tạo cơ hội tham gia sâu vào chuỗi sản xuất toàn cầu. Bên cạnh đó, cần tập trung nâng cao năng lực khoa học công nghệ cho doanh nghiệp CNHT và chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển nhằm tạo sự bứt phá về hạ tầng công nghệ, chuyển giao công nghệ, nâng cao năng lực hấp thụ công nghệ của doanh nghiệp CNHT; tăng cường hợp tác trong nước và quốc tế trong nghiên cứu, phát triển, ứng dụng khoa học, công nghệ, mua bán, chuyển giao các sản phẩm khoa học, công nghệ; đẩy mạnh thương mại hóa các sản phẩm nghiên cứu khoa học, công nghệ. Đồng thời, phát triển nguồn nhân lực trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ và công nghiệp chế biến, chế tạo thông qua các chương trình, kế hoạch quốc gia về nâng cao tay nghề, thúc đẩy liên kết giữa cơ sở đào tạo và doanh nghiệp, gắn kết giáo dục nghề nghiệp với thị trường lao động. Đẩy mạnh hợp tác quốc tế trong việc đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, phát triển hệ thống đánh giá, cấp chứng chỉ kỹ năng nghề quốc gia, đặc biệt đối với các kỹ năng nghề quan trọng trong lĩnh vực công nghiệp hỗ trợ.

*Thứ bảy*, xây dựng và hoàn thiện hệ thống thống kê, cơ sở dữ liệu CNHT và các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển nhằm thúc đẩy kết nối giữa nhà cung cấp Việt Nam và các tập đoàn đa quốc gia. Đẩy mạnh công tác tuyên truyền sâu rộng về CNHT và các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo ưu tiên phát triển nhằm thu hút sự quan tâm, thay đổi, và nâng cao nhận thức, trách nhiệm thực hiện của lãnh đạo các cấp, các ngành, các địa phương và toàn xã hội về phát triển công nghiệp chế biến, chế tạo và công nghiệp hỗ trợ./.